

Bản án số: 17/2017/HSST

Ngày: 30/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Văn Chu

2. Ông Nguyễn Văn Thúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Ba Tri tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2017/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Vĩnh T, sinh năm 1998

ĐKTT và chỗ ở: ấp M, xã M, huyện B, Bến Tre.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 02/12;

Nghề nghiệp: Làm thuê;

Cha: Lê Văn P; Mẹ: Lê Thị H

Có 03 anh em. lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Quá trình hoạt động: Lúc nhỏ sinh sống với mẹ và học văn hóa hết lớp 02 thì nghỉ học phụ giúp gia đình tại ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre cho

đến ngày phạm tội. Ngày 15/3/2017, bị công an xã M, huyện B xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp bình ắc quy xe máy cày; Ngày 13/6/2017, bị Công an xã M, huyện B xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 15/3/2017, bị công an xã M, huyện B xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp bình ắc quy xe máy cày.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 24/7/2017.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại: **Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978** (vắng mặt có đơn).*

Cư trú tại: ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Anh Trần Thanh M, sinh năm 1993** (vắng mặt có đơn).*

Cư trú tại: ấp C, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng: **Chị Lê Thị L, sinh năm 1983** (có mặt)*

Cư trú tại: ấp M, xã M, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Vĩnh T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Vĩnh T đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa tiền sự. Vào khoảng 16 giờ ngày 19/3/2017, T phát hiện phía sau chuồng bò nhà anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1978 ở gần nhà T thuộc ấp M, xã M (Ba Tri, Bến Tre) có chiếc máy bơm nước (mô tua điện) không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, T rủ Nguyễn Văn N, sinh năm 1999 đang chơi tại nhà T cùng lấy cắp tài sản, nhưng N không đồng ý và bỏ về. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T một mình đi lại chuồng bò anh P lên dùng tay tháo ống nước lấy trộm máy bơm nước rồi đem đến nhà chị Lê Thị L, sinh năm 1983 ở cùng ấp bán nhưng chị L không mua, nên T bán cho anh Trần Thanh M, sinh năm 1993 đang chơi tại nhà chị L với giá 350.000 đồng. Số tiền bán được, T sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ là 01 máy bơm nước màu sơn xanh, có tay cầm phía trên màu đỏ, hiệu cá sấu xám có ký hiệu 1,5 DK-20.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KL.ĐGTS ngày 14/6/2017, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của huyện Ba Tri định giá chiếc máy bơm nước của anh Nguyễn Thanh P giá trị còn lại là 400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 18/KSĐT - KT ngày 18/8/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Vĩnh T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Vĩnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt 01 máy bơm nước của anh Nguyễn Thanh P vào ngày 19/3/2017, sau đó đem bán cho anh Trần Thanh M. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát.

Người bị hại Nguyễn Thanh P đã nhận lại máy bơm nước nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Về trách nhiệm hình sự, anh P xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh M không yêu cầu bị cáo trả lại 350.000 đồng là số tiền mà anh M đã bỏ ra để mua máy bơm nước từ bị cáo do không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm cáo trạng, truy tố bị cáo Lê Vĩnh T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đồng thời đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Vĩnh T từ **03** (Ba) tháng đến **05** (Năm) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

+ Ghi nhận người bị hại Nguyễn Thanh P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

+ Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh M không yêu cầu bị cáo trả lại 350.000 đồng.

+ Ghi nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả máy bơm nước cho anh Nguyễn Thanh P

+ Buộc bị cáo giao nộp 350.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY :

Tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai nhận của bị cáo Lê Vĩnh T là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, Lê Vĩnh T là người đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa tiền sự lại tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 máy bơm nước trị giá 400.000 đồng của anh Nguyễn Thanh P. Sự việc xảy ra vào khoảng 18 giờ ngày 19/3/2017 tại ấp M, xã M (B, Bến Tre).

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt máy Bơm nước của anh P, bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái và vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp và cố ý thực hiện, hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Do vậy, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân dẫn đến hành vi trên xuất phát từ bản tính tham lam, động cơ tư lợi bất chính, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức lao động. Chính từ ý thức và việc làm sai trái trên đã gây ra sự tổn thất chính đáng về tài sản cho người bị hại. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây M lý hoang mang, L sợ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo đang có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không sửa đổi mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Lê Vĩnh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng

tội và đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra, bị cáo lại tiếp tục bị Công an xã M xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Có thể thấy bị cáo là người rất khó cải tạo, giáo dục nên việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và cần phải xử lý bị cáo bằng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như góp phần chung vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, do người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tính tiết tăng nặng nên HĐXX xét thấy cần thiết áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất khung hình phạt trong điều luật mà Viện Kiểm sát đã truy tố cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

Đối với anh Nguyễn Thanh M, do khi mua máy bơm nước từ T, anh M không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp với quy định pháp luật.

*** Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

+ Người bị hại Nguyễn Thanh P đã nhận lại 01 máy bơm nước bị chiếm đoạt, đồng thời tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh M tự nguyện không yêu cầu bị cáo trả lại 350.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện của anh P và anh M là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

+ Đối với số tiền 350.000 đồng mà anh M đã trả cho bị cáo để mua máy bơm nước. Do đây là tiền thu lợi bất chính và anh M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên buộc bị cáo nộp sung ngân sách nhà nước.

* Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Vĩnh T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Vĩnh T **05 (Năm)** tháng tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Ghi nhận người bị hại Nguyễn Thanh P đã nhận lại 01 máy bơm nước và tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường.

+ Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

+ Buộc bị cáo giao nộp 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính để sung ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Vĩnh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tùng